

QUYẾT ĐỊNH
Về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 02/2006/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế khu đô thị mới;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 07/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26 tháng 3 năm 2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 33/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 39/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Bộ Công Thương quy định thực hiện một số nội dung và quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 16/2010/TT-BXD ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định cụ thể và hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 611/TTr-SQHKT ngày 09 tháng 3 năm 2011, Công văn số 1891/SQHKT-PC ngày 06 tháng 7 năm 2011 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 6336/STP-VB ngày 23 tháng 12 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Các loại quy hoạch đô thị

1. Các loại quy hoạch đô thị bao gồm:

a) *Quy hoạch chung* được lập cho thành phố, thị trấn thuộc các huyện ngoại thành. Bản vẽ của đồ án quy hoạch chung thành phố được thể hiện theo tỷ lệ 1/25.000 hoặc 1/50.000. Bản vẽ của đồ án quy hoạch chung thị trấn được thể hiện theo tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000.

b) *Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận - huyện, đồ án quy hoạch chung xây dựng các khu vực đô thị, đồ án quy hoạch chung cụm khu công nghiệp*: là các đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các quận - huyện, đồ án quy hoạch chung xây dựng các khu vực đô thị, đồ án quy hoạch chung các cụm, khu công nghiệp đã được phê duyệt nhiệm vụ trước ngày 25 tháng 5 năm 2010 (ngày có hiệu lực của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị - sau đây viết tắt là Nghị định số 37/2010/NĐ-CP).

c) *Quy hoạch phân khu* được lập cho các khu vực trong thành phố. Bản vẽ của đồ án quy hoạch phân khu được thể hiện theo tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000.

d) *Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000*: là các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (lập mới hoặc điều chỉnh tổng thể) đã được phê duyệt nhiệm vụ trước ngày 25 tháng 5 năm 2010.

e) *Quy hoạch chi tiết cụm, khu công nghiệp* được lập cho các cụm, khu công nghiệp tập trung. Bản vẽ của đồ án quy hoạch chi tiết cụm, khu công nghiệp được thể hiện theo tỷ lệ 1/500 (đối với cụm, khu công nghiệp có diện tích từ 200ha trở xuống) hoặc tỷ lệ 1/2000 (đối với khu công nghiệp có diện tích lớn hơn 200ha).

g) *Quy hoạch chi tiết* được lập cho khu vực theo yêu cầu phát triển, quản lý đô thị hoặc nhu cầu đầu tư xây dựng. Bản vẽ của đồ án quy hoạch chi tiết được thể hiện theo tỷ lệ 1/500.

Đối với dự án đầu tư xây dựng do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện có quy mô nhỏ hơn 5ha (nhỏ hơn 2ha đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư) thì có thể lập dự án đầu tư xây dựng mà không phải lập quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500). Bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình, giải pháp về hạ tầng kỹ thuật trong nội dung thiết kế cơ sở phải phù hợp với quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 hoặc quy hoạch chung được duyệt (đối với khu chưa có quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 được duyệt), đảm bảo sự kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung và phù hợp với cảnh quan chung của khu vực.

h) *Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật* là một nội dung trong đồ án quy hoạch chung, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận - huyện, đồ án quy hoạch chung xây dựng các khu vực đô thị, đồ án quy hoạch chung - quy hoạch chi tiết cụm khu công nghiệp, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết. Đối với quy hoạch chung thành phố, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật được lập riêng thành đồ án *quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật*.

2. *Đồ án thiết kế đô thị riêng* được lập tại các khu vực đã cơ bản ổn định chức năng sử dụng của các lô đất (không cần phải lập đồ án quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết) để làm cơ sở quản lý đầu tư xây dựng và cấp giấy phép xây dựng. Việc tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt đồ án thiết kế đô thị riêng được thực hiện theo quy định như đối với đồ án quy hoạch chi tiết tại các Điều 19, 20, 21, 41, 42, 43, 44 và 45 của Luật Quy hoạch đô thị.

Điều 3. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị; lấy ý kiến chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình trong nội dung thiết kế cơ sở các dự án đầu tư xây dựng không phải lập quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500)

1. Việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng phải theo trình tự sau (riêng quy hoạch chi tiết cụm, khu công nghiệp, không lập nhiệm vụ):

- a) Lập nhiệm vụ;
- b) Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ;
- c) Lập đồ án;
- d) Thẩm định, phê duyệt đồ án.

2. Khi thẩm định các dự án đầu tư xây dựng công trình không phải lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 2 Quyết định này), cơ quan thẩm định dự án đầu tư hoặc chủ đầu tư phải lấy ý kiến về bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình của các cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Điều 12 Quyết định này.

Điều 4. Các khu vực có ý nghĩa quan trọng của thành phố

1. Khu trung tâm hiện hữu mở rộng thành phố;
2. Các khu đô thị mới;
3. Các cụm, khu công nghiệp tập trung;
4. Các khu chuyên dụng cho giải trí, du lịch, sinh thái, văn hóa, thể dục - thể thao;
5. Các cụm trường Cao đẳng, Đại học; các khu nhà ở sinh viên (ký túc xá); các khu nhà ở cho công nhân các cụm, khu công nghiệp tập trung;
6. Các khu công nghệ kỹ thuật cao (nông nghiệp, công nghệ cao, y tế, Viện - Trường y tế);
7. Khu vực ven biển; bờ sông, kênh, rạch từ cấp 1 đến cấp 3; hồ; rừng cây; khu vực có cảnh quan đặc biệt, cảnh quan gắn với di tích lịch sử; danh lam thắng cảnh;
8. Các khu di tích lịch sử - văn hóa; khu vực bảo tồn có trong danh mục bảo tồn hoặc khu vực có giá trị về di sản kiến trúc được cơ quan có thẩm quyền công nhận;
9. Các khu vực cửa ngõ thành phố; khu vực tiếp cận dọc các tuyến đường sắt, đường cao tốc, các tuyến giao thông liên tỉnh, giao thông cấp đô thị có lộ giới $\geq 40m$, nhà ga - depot (trong phạm vi bán kính khoảng 500m);
10. Các khu vực tiếp cận Cảng Hàng không, Cảng sông, Cảng biển, căn cứ quân sự;
11. Các khu vực trung tâm hành chính - chính trị cấp quận - huyện trở lên;
12. Các khu thương mại - dịch vụ đô thị cấp thành phố;
13. Các khu vực có ý nghĩa quan trọng khác sẽ được Ủy ban nhân dân thành phố xác định cụ thể.

Điều 5. Các dự án đầu tư xây dựng công trình có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, lịch sử của thành phố

1. Các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng cấp đặc biệt, cấp I và cấp II được quy định tại Thông tư số 33/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
2. Các dự án đầu tư xây dựng công trình (trừ nhà ở riêng lẻ) trong các khu vực được nêu tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13 Điều 4 Quyết định này;
3. Các dự án đầu tư xây dựng công trình mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa - nghệ thuật;

4. Các dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng được tổ chức thi tuyển hoặc tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình theo quy định tại Điểm 1 Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

5. Các dự án đầu tư xây dựng công trình có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài;

6. Các dự án đầu tư xây dựng công trình có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, lịch sử khác sẽ được Ủy ban nhân dân thành phố xác định cụ thể.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị

1. Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố, Ban quản lý đầu tư - xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm, Ban Quản lý Khu đô thị Tây - Bắc thành phố, Ban quản lý Khu Công nghệ cao, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, các Ban Quản lý được thành lập theo Nghị định số 02/2006/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2006 và Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ (sau đây viết là các Ban quản lý khu chức năng đô thị) tổ chức lập: nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng trong phạm vi ranh giới, diện tích được giao quản lý (trừ quy hoạch được quy định tại khoản 5 Điều này) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

2. Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổ chức lập: nhiệm vụ và đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố; đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận - huyện; nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng các khu vực có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai quận - huyện trở lên và khu vực có ý nghĩa quan trọng của thành phố (trừ quy hoạch chung đô thị do Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm tổ chức thiết lập, quy hoạch phân khu do các Sở, ngành tổ chức thiết lập theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố và các quy hoạch được quy định tại Khoản 1 Điều này).

3. Ủy ban nhân dân quận tổ chức lập: nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý (trừ quy hoạch đô thị được quy định tại các Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 5 Điều này), sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

4. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức lập: nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung thị trấn, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý (trừ quy hoạch đô thị được quy định tại các Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 5 Điều này), sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

5. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng tổ chức lập quy hoạch chi tiết hoặc bản vẽ tổng mặt bằng - phương án kiến trúc công trình (đối với dự án đầu tư không thuộc loại phải lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 2 Quyết định này) khu vực được giao đầu tư.

6. Các Sở, ngành có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến các đối tượng của quy hoạch hạ tầng kỹ thuật được quy định tại Điều 36 Luật Quy hoạch đô thị, căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đô thị thành phố, theo chức năng, nhiệm vụ đã được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

7. Tùy theo điều kiện thực tế và yêu cầu quản lý, Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố giao các tổ chức, Sở, ngành tổ chức lập quy hoạch phân khu tại các khu chức năng đô thị có liên quan đến công tác phát triển ngành, lĩnh vực.

8. Các cơ quan, tổ chức đã được Ủy ban nhân dân thành phố giao nhiệm vụ tổ chức lập các loại quy hoạch đô thị trước ngày Luật Quy hoạch đô thị có hiệu lực, nhưng đến nay chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt, được tiếp tục tổ chức lập các loại quy hoạch đô thị này.

9. Việc lập quy hoạch đô thị phải do tổ chức tư vấn thực hiện. Điều kiện, năng lực của tổ chức tư vấn, cá nhân tham gia lập quy hoạch đô thị, thực hiện theo Điều 5, khoản 1 Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch đô thị được lựa chọn thông qua hình thức chỉ định hoặc thi tuyển theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

Thời gian lập quy hoạch đô thị thực hiện theo Điều 2 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

Điều 7. Nội dung quy hoạch đô thị

1. Nội dung đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận, huyện và đồ án quy hoạch chung xây dựng các khu vực đô thị (nêu tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quyết định này) được lập theo Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2005/NĐ-CP) và Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng (sau đây viết tắt là Thông tư số 07/2008/TT-BXD).

2. Nội dung đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 được nêu tại điểm d khoản 1 Điều 2 Quyết định này cần kết hợp với nội dung quy hoạch phân khu theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

3. Nội dung quy hoạch chi tiết xây dựng cụm, khu công nghiệp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2008 của Bộ Xây dựng (sau đây viết tắt là Thông tư số 19/2008/TT-BXD).

4. Các loại quy hoạch đô thị khác: nội dung nhiệm vụ được thực hiện theo Điều 22, Điều 23 Luật Quy hoạch đô thị; nội dung đồ án được thực hiện theo Điều 15, Điều 17, Điều 19, Điều 20 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

5. Nội dung đồ án thiết kế đô thị riêng được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 33 Luật Quy hoạch đô thị.

6. Nội dung đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật thành phố thực hiện theo Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

Điều 8. Nội dung thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch đô thị

1. Đối với điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận, huyện: nội dung thẩm định và phê duyệt thực hiện theo Nghị định số 08/2005/NĐ-CP và Thông tư số 07/2008/TT-BXD.

2. Đối với quy hoạch chi tiết cụm, khu công nghiệp: nội dung thẩm định và phê duyệt thực hiện theo quy định tại Thông tư số 19/2008/TT-BXD.

3. Đối với đồ án quy hoạch chung cụm, khu công nghiệp; quy hoạch chung xây dựng các khu vực đô thị và các loại quy hoạch đô thị khác: nội dung thẩm định và phê duyệt thực hiện theo Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

4. Các thuyết minh, bản vẽ của các đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng; quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng phải được ký, đóng dấu của cơ quan thẩm định trước khi cơ quan có thẩm quyền ký phê duyệt.

Đối với các bản vẽ của các đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố do các cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị được quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 7 Điều 6 Quyết định này tổ chức lập thì cần có ký, đóng dấu thỏa thuận của các cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị, trước khi trình Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định và Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Văn bản ý kiến chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình có đính kèm các bản vẽ có đóng dấu chấp thuận của cơ quan được lấy ý kiến.

Điều 9. Thời hạn quy hoạch đô thị; thời hạn hiệu lực của quy hoạch đô thị

1. Thời hạn quy hoạch đô thị:

a) Thời hạn quy hoạch đối với quy hoạch chung thành phố từ 20 đến 25 năm, tầm nhìn đến 50 năm (được cụ thể theo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ).

b) Thời hạn quy hoạch đối với quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật thành phố theo thời hạn đồ án quy hoạch chung thành phố.

c) Thời hạn quy hoạch đối với đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận - huyện, đồ án quy hoạch chung xây dựng các khu vực đô thị, đồ án quy hoạch chung cụm, khu công nghiệp được xác định trên cơ sở quy hoạch chung thành phố và yêu cầu quản lý, phát triển đô thị.

d) Thời hạn quy hoạch đối với quy hoạch chung thị trấn từ 10 đến 15 năm.

e) Thời hạn quy hoạch đối với quy hoạch phân khu, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 được xác định trên cơ sở thời hạn đồ án điều chỉnh quy hoạch chung quận, huyện hoặc quy hoạch chung thành phố và yêu cầu quản lý, phát triển đô thị.

g) Thời hạn quy hoạch đối với quy hoạch chi tiết; bản vẽ tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình; đồ án thiết kế đô thị riêng được xác định trên cơ sở thời hạn đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 hoặc quy hoạch phân khu và theo yêu cầu quản lý, nhu cầu đầu tư.

2. Thời hạn hiệu lực của quy hoạch đô thị:

Kể từ khi đồ án quy hoạch đô thị; đồ án thiết kế đô thị riêng; bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình được phê duyệt, chấp thuận đến khi có quyết định điều chỉnh hoặc hủy bỏ.

Điều 10. Trách nhiệm lấy ý kiến về quy hoạch đô thị

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị, chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng quy định tại Khoản 5 Điều 6 Quyết định này có trách nhiệm lấy ý kiến các Sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị.

Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã - thị trấn, tổ chức tư vấn lập quy hoạch có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị, chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng quy định tại Khoản 5 Điều 6 Quyết định này trong việc lấy ý kiến.

2. Trong quá trình nghiên cứu lập đồ án quy hoạch đô thị, tổ chức tư vấn lập quy hoạch có trách nhiệm lấy ý kiến các Sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan đến đồ án quy hoạch đô thị.

3. Các ý kiến đóng góp phải được tổng hợp đầy đủ, có giải trình, tiếp thu và báo cáo cấp thẩm quyền xem xét trước khi quyết định phê duyệt.

Điều 11. Hình thức, thời gian lấy ý kiến về quy hoạch đô thị

1. Việc lấy ý kiến các Sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo. Các Sở, ban, ngành, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

2. Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nhiệm vụ và đồ án các loại quy hoạch chung được thực hiện thông qua lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư bằng hình thức phát phiếu điều tra, phỏng vấn. Đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở, chuyển cho cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị để lập báo cáo về ý kiến của cộng đồng dân cư.

3. Việc lấy ý kiến của cộng đồng dân cư về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng, đồ án quy hoạch chi tiết cụm - khu công nghiệp và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 được

thực hiện bằng phiếu góp ý thông qua hình thức trưng bày công khai hoặc giới thiệu phương án quy hoạch trên phương tiện thông tin đại chúng. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị có trách nhiệm lập báo cáo về các ý kiến của cộng đồng dân cư.

4. Thời gian có ý kiến trả lời hoặc đóng góp ý kiến là ít nhất 15 ngày đối với các Sở, ban, ngành và 30 ngày đối với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư.

5. Căn cứ hướng dẫn cụ thể của Bộ Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn cụ thể về phạm vi, đối tượng, nội dung lấy ý kiến và thống nhất các loại biểu mẫu phiếu điều tra, phiếu góp ý cho các loại quy hoạch đô thị.

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch đô thị; có ý kiến chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình

1. Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt:

a) Nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung thị trấn thuộc các huyện ngoại thành; nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung khu công nghiệp ($\geq 500\text{ha}$); đồ án quy hoạch chi tiết cụm, khu công nghiệp.

b) Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000, nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu (trừ khu vực thị trấn thuộc các huyện ngoại thành); nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng các khu vực trong đô thị có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai quận, huyện trở lên; khu vực có ý nghĩa quan trọng của thành phố (trừ các quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, các quy hoạch được quy định tại khoản 4 Điều này và nhiệm vụ quy hoạch chi tiết được quy định tại khoản 5 Điều này).

2. Ủy ban nhân dân quận phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý (trừ các quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng quy định tại Điểm b Khoản 1, Khoản 4 Điều này và nhiệm vụ quy hoạch chi tiết được quy định tại Khoản 5 Điều này) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

3. Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu thị trấn, quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý (trừ các quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng được quy định tại Điểm b Khoản 1, Khoản 4 Điều này) và nhiệm vụ quy hoạch chi tiết được quy định tại Khoản 5 Điều này, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

4. Ban quản lý các khu chức năng đô thị phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng trong phạm vi ranh giới, diện tích được giao quản lý (trừ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết được quy định tại Khoản 5 Điều này), sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

5. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết khu vực đã được cấp giấy phép quy hoạch.

6. Sở Quy hoạch - Kiến trúc có ý kiến chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình trong nội dung thiết kế cơ sở các dự án đầu tư xây dựng công trình có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, lịch sử của thành phố không thuộc loại phải lập quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 2 Quyết định này trừ các dự án đầu tư xây dựng được quy định tại khoản 7 Điều này.

7. Ban Quản lý các khu chức năng đô thị có ý kiến chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình trong nội dung thiết kế cơ sở các dự án đầu tư xây dựng không thuộc loại phải lập quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 2 Quyết định này trong phạm vi ranh giới, diện tích được giao quản lý. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, lịch sử của thành phố và các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực chưa có đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 hoặc quy hoạch phân khu được cấp thẩm quyền phê duyệt thì trước khi chấp thuận cần có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

8. Ủy ban nhân dân quận, huyện có ý kiến chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình trong nội dung thiết kế cơ sở các dự án đầu tư xây dựng không thuộc loại phải lập quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 2 Quyết định này thuộc địa bàn quản lý (trừ các dự án đầu tư xây dựng được quy định tại Khoản 6 và Khoản 7 Điều này). Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực chưa có đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 hoặc quy hoạch phân khu được cấp thẩm quyền phê duyệt thì trước khi chấp thuận cần có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

Điều 13. Cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị; cơ quan trình thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch đô thị

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị được quy định tại các Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 7 Điều 6 Quyết định này, trình Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố;

2. Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố;

3. Phòng Quản lý đô thị các quận, huyện thẩm định và trình Ủy ban nhân dân quận, huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân quận, huyện;

4. Ban quản lý các khu chức năng đô thị tổ chức thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình;

5. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng được cấp giấy phép quy hoạch, tổ chức thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết và trình các cơ quan sau:

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định đối với đồ án quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố;

- Phòng Quản lý đô thị các quận, huyện thẩm định đối với đồ án quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân quận, huyện.

- Ban quản lý các khu chức năng đô thị thẩm định đối với đồ án quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ban quản lý các khu chức năng đô thị.

6. Các cơ quan tổ chức lập quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật thành phố được quy định tại khoản 6 Điều 6 Quyết định này, có trách nhiệm phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố trình các Bộ, ngành Trung ương thẩm định để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

Cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị có trách nhiệm căn cứ vào ý kiến của các cơ quan có liên quan, Hội đồng thẩm định, nội dung nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng, có văn bản gửi cơ quan trình thẩm định để hoàn chỉnh nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng. Sau khi nhận được hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng hoàn chỉnh, cơ quan thẩm định báo cáo nội dung thẩm định với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt xem xét, quyết định.

Điều 14. Thời gian thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị; chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình

1. Thời gian thẩm định, phê duyệt đối với các loại quy hoạch đô thị được thực hiện theo Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP. Thời gian thẩm định, phê duyệt đối với nhiệm vụ, đồ án thiết kế đô thị riêng được thực hiện theo thời gian thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết.

2. Thời gian để các cơ quan có thẩm quyền có ý kiến chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình trong nội dung thiết kế cơ sở (nêu tại các Khoản 6, 7, 8 Điều 12 Quyết định này) được thực hiện theo điểm c Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26 tháng 03 năm 2009 của Bộ Xây dựng. Trong trường hợp cần lấy ý kiến của Hội đồng kiến trúc - quy hoạch thành phố hoặc phải báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố thì thời gian này được cộng thêm 15 (mười lăm) ngày làm việc và cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản thông báo cho cơ quan thẩm định dự án đầu tư hoặc chủ đầu tư biết.

3. Thời gian để Sở Quy hoạch - Kiến trúc có ý kiến thống nhất bằng văn bản đối với các quy hoạch đô thị, các dự án đầu tư xây dựng công trình được quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 7 và Khoản 8 Điều 12 Quyết định này và thời gian để các cơ quan có liên quan có ý kiến là không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan thẩm định. Sau thời hạn trên, nếu không có văn bản trả lời thì xem như thống nhất với ý kiến thẩm định của cơ quan thẩm định. Thời gian lấy ý kiến được tính trong thời gian thẩm định của cơ quan thẩm định theo quy định.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình cần phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc được quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 12 Quyết định này, nhưng Sở Quy hoạch - Kiến trúc cần phải lấy ý kiến của Hội đồng kiến trúc - quy hoạch thành phố hoặc phải báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố thì thời gian để Sở Quy hoạch - Kiến trúc có văn bản trả lời là 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc. Trường hợp này, Sở Quy hoạch - Kiến trúc phải có văn bản thông báo cho chủ đầu tư hoặc cơ quan thẩm định được biết.

Thời gian thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng; thời gian có ý kiến chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình được tính là thời hạn để cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản hướng dẫn (trong trường hợp có yêu cầu chỉnh sửa hoàn chỉnh hồ sơ). Thời gian thẩm định, phê duyệt hoặc cấp văn bản chấp thuận tiếp theo được tính như thời gian khi tiếp nhận hồ sơ lần đầu (không tính thời gian lấy ý kiến Hội đồng Kiến trúc - Quy hoạch thành phố hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, nếu có), kể từ ngày nhận được hồ sơ đã chỉnh sửa hoàn chỉnh.

Sau khi phê duyệt đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng hoặc có ý kiến chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình, các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (hoặc chấp thuận) gửi cho Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng một bộ hồ sơ (bản chính), gồm: quyết định phê duyệt kèm theo thuyết minh; quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng; văn bản chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình; các bản vẽ đã ký, đóng dấu phê duyệt, chấp thuận và file (tập tin) để phục vụ công tác quản lý quy hoạch đô thị và quản lý xây dựng đô thị.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Quy hoạch - Kiến trúc

1. Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP và Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ từng loại quy hoạch đô thị để hướng dẫn các tổ chức, Sở ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các Ban quản lý các khu chức năng đô thị về: thành phần hồ sơ; bản vẽ nhiệm vụ, đồ án các loại quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng; bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình.

2. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện để lập bản đồ xác định, phân vùng các khu vực có ý nghĩa quan trọng của thành phố (được quy định tại Điều 4 Quyết định này) thuộc thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết, đồ án thiết kế đô thị riêng của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Chuẩn bị hồ sơ cho Ủy ban nhân dân thành phố trình Bộ Xây dựng thẩm định để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trừ quy hoạch đô thị thuộc trách nhiệm tổ chức lập của Bộ Xây dựng.

4. Chuẩn bị hồ sơ để Ủy ban nhân dân thành phố phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh có liên quan đồng trình xin ý kiến Bộ xây dựng về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị có phạm vi lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính quản lý của Thành phố và tỉnh.

5. Chuẩn bị nội dung, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố để báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố về quy hoạch chung thành phố.

6. Phối hợp với các Sở, ngành được quy định tại khoản 6 Điều 6 trong công tác tổ chức lập quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật thành phố.

7. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan để tổ chức kiểm tra theo quy định việc tuân thủ các quy định của Quyết định này và các quy định khác có liên quan về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng, chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng - phương án kiến trúc công trình; phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân quận, huyện để tổ chức thực hiện, quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch.

8. Hàng năm lập danh mục các nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng, Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị có nhu cầu thiết lập (có khái toán kinh phí kèm theo) theo đề xuất của các Sở ngành, các Ban Quản lý khu chức năng đô thị và Ủy ban nhân dân quận, huyện để trình Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận.

Điều 16. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, các Ban quản lý khu chức năng đô thị và Ủy ban nhân dân quận, huyện xây dựng kế hoạch hàng năm sử dụng nguồn vốn ngân sách cho công tác lập quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng, Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị (không thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh), trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

Điều 17. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Bãi bỏ các quy định, văn bản có liên quan đến công tác lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn trước đây của Ủy ban nhân dân thành phố không phù hợp với Quyết định này.

Công tác về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn được thực hiện theo Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003, Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 09/2010/TT-BXD ngày 04 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định việc lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh phải tuân thủ các quy định tại Quyết định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 18. Thực hiện chuyển tiếp

1. Các quy hoạch xây dựng đô thị đã được thẩm định và trình phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì không phải trình duyệt lại.

2. Đồ án quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết cụm - khu công nghiệp được tiếp tục lập theo Luật Xây dựng, Nghị định số 08/2005/NĐ-CP và Thông tư 19/2008/TT-BXD. Việc thẩm định và phê duyệt thực hiện theo Luật quy hoạch đô thị và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

3. Đối với nhiệm vụ, đồ án quy hoạch đô thị khác triển khai trước ngày 25 tháng 5 năm 2010 (ngày Nghị định số 37/2010/NĐ-CP có hiệu lực) được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các tổ chức và cá nhân có liên quan cần phản ánh kịp thời để Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổng hợp, báo cáo, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 19. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 19;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP;
- Văn phòng Thành ủy; các Ban Thành ủy;
- Các Đoàn thể thành phố;
- VPUB: các PVP;
- Các Phòng Chuyên viên;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, (ĐTMT-MTu) D. 425

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Thành Tài